



# CÔNG BÁO

Thành phố Hồ Chí Minh

Số 101 + 102

Ngày 01 tháng 3 năm 2024

## MỤC LỤC

Trang

### PHẦN VĂN BẢN KHÁC

#### ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

- |             |  |    |
|-------------|--|----|
| 18-01-2024- | Quyết định số 237/QĐ-UBND về việc công bố danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực Người có công thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.        | 3  |
| 19-01-2024- | Quyết định số 246/QĐ-UBND việc công bố danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực Y, Dược cổ truyền thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Y tế.                                   | 8  |
| 22-01-2024- | Quyết định số 270/QĐ-UBND về việc công bố danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực Hoạt động khoa học và công nghệ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Khoa học và Công nghệ. | 15 |

- 22-01-2024- Quyết định số 280/QĐ-UBND về công bố danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực đo đạc bản đồ; lĩnh vực biển và hải đảo thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Tài nguyên và Môi trường. 31
- 25-01-2024- Quyết định số 309/QĐ-UBND phê duyệt Danh mục thủ tục hành chính, nhóm thủ tục hành chính đáp ứng yêu cầu cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên môi trường điện tử (đợt 6). 45
- 26-01-2024- Quyết định số 337/QĐ-UBND về việc công bố danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực Du lịch thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Du lịch. 53

## PHẦN VĂN BẢN KHÁC

### ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 237/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 01 năm 2024

### QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực Người có công thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số 1160/TTr-SLĐTBXH ngày 16 tháng 01 năm 2024.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này danh mục 02 thủ tục hành chính sửa

đôi, bổ sung lĩnh vực Người có công thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

Danh mục thủ tục hành chính đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân Thành phố tại địa chỉ <https://hochiminhcity.gov.vn/> (Bộ thủ tục hành chính chuẩn hóa).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Bãi bỏ nội dung công bố cho thủ tục có thứ tự C.I.19, C.I.20 tại danh mục thủ tục hành chính ban hành kèm theo Quyết định số 290/QĐ-UBND ngày 19 tháng 01 năm 2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về việc công bố thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý và giải quyết của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội được chuẩn hóa tại Thành phố Hồ Chí Minh.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Giám đốc Sở Nội vụ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện, thành phố Thủ Đức, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Võ Văn Hoan**

## DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC NGƯỜI CÓ CÔNG

### THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

(Ban hành kèm theo Quyết định số 237/QĐ-UBND ngày 18 tháng 01 năm 2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)

### DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG THUỘC THẨM QUYỀN TIẾP NHẬN CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG, XÃ, THỊ TRẤN

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
<b>Lĩnh vực Người có công</b>						
1	Trợ cấp một lần đối với thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến	25 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ hoặc	Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn	Không	<ul style="list-style-type: none"><li>- Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng năm 2020.</li><li>- Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng.</li><li>- Quyết định số 40/2011/QĐ-TTg ngày 27/7/2011 của Thủ tướng Chính phủ quy định về chế độ đối với thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến.</li><li>- Thông tư liên tịch 08/2012/TTLT-BLĐTBXH-BNV-BTC ngày 16/4/2012 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Nội vụ và Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện chế độ trợ cấp đối với thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến theo Quyết định số 40/2011/QĐ-TTg ngày 27/7/2011 của Thủ tướng Chính phủ.</li></ul>	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông tư số 08/2023/TT-BLĐTBXH ngày 29/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội sửa đổi Thông tư, Thông tư liên tịch có quy định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu giấy, sổ tạm trú giấy hoặc giấy tờ có yêu cầu xác nhận nơi cư trú khi thực hiện thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực quản lý Nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.</li> <li>- Quyết định số 1829/QĐ-LĐTBXH ngày 30/11/2023 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung, thủ tục hành chính bãi bỏ về lĩnh vực người có công thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.</li> </ul>	
2	Trợ cấp hàng tháng đối với thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến	25 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn	Không	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng năm 2020.</li> <li>- Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng.</li> <li>- Quyết định số 40/2011/QĐ-TTg ngày 27/7/2011 của Thủ tướng Chính phủ quy định về chế độ đối với thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến.</li> <li>- Thông tư liên tịch 08/2012/TTLT-BLĐTBXH-BNV-BTC ngày 16/4/2012 của Bộ Lao động - Thương binh</li> </ul>	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					<p>và Xã hội, Bộ Nội vụ và Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện chế độ trợ cấp đối với thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến theo Quyết định số Quyết định số 40/2011/QĐ-TTg ngày 27/7/2011 của Thủ tướng Chính phủ.</p> <p>- Thông tư số 08/2023/TT-BLĐTBXH ngày 29/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về sửa đổi Thông tư, Thông tư liên tịch có quy định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu giấy, sổ tạm trú giấy hoặc giấy tờ có yêu cầu xác nhận nơi cư trú khi thực hiện thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực quản lý Nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.</p> <p>- Quyết định số 1829/QĐ-LĐTBXH ngày 30/11//2023 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung, thủ tục hành chính bãi bỏ về lĩnh vực người có công thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.</p>	

ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 246/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 01 năm 2024

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực Y, Dược cổ truyền  
thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Y tế

### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 07 tháng 02 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Theo đề nghị Giám đốc Sở Y tế tại Tờ trình số 288/TTr-SYT ngày 10 tháng 01 năm 2024.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này danh mục 05 thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực Y, Dược cổ truyền thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Y tế.

Danh mục thủ tục hành chính đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân Thành phố tại địa chỉ <https://hochiminhcity.gov.vn/> (Bộ thủ tục hành chính chuẩn hóa).



**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Bãi bỏ nội dung công bố cho các thủ tục có thứ tự A.II.1, A.II.2, A.II.3, A.II.4, A.II.5 tại Quyết định số 3758/QĐ-UBND ngày 21 tháng 7 năm 2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về công bố thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Y tế được chuẩn hóa tại Thành phố Hồ Chí Minh.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Y tế và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Võ Văn Hoan**

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC Y, DƯỢC CỔ TRUYỀN  
THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ Y TẾ**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 246/QĐ-UBND ngày 19 tháng 01 năm 2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)*

**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG THUỘC THẨM QUYỀN TIẾP NHẬN CỦA SỞ Y TẾ**

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
<b>Lĩnh vực Y, Dược cổ truyền</b>						
1	Cấp giấy chứng nhận là lương y cho các đối tượng quy định tại Khoản 1, Điều 1, Thông tư số 29/2015/TT-BYT	- 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. - Sau khi kiểm tra sát hạch 15 ngày.	Sở Y tế	2.500.000 đồng	- Thông tư số 29/2015/TT-BYT ngày 12/10/2015 của Bộ Y tế quy định cấp, cấp lại Giấy chứng nhận là lương y. - Thông tư số 20/2023/TT-BYT ngày 14/11/2023 của Bộ Y tế bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành. - Thông tư số 59/2023/TT-BTC ngày 30/8/2023 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong lĩnh vực y tế. - Quyết định số 19/QĐ-BYT ngày 03/01/2024 của Bộ Y tế công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực Y, Dược cổ truyền được quy định tại Thông tư số 20/2023/TT-BYT ngày 14 tháng 11 năm 2023 của Bộ Y tế về bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành.	Thời hạn giải quyết thực hiện theo quy định tại Điều 10 Thông tư số 29/2015/TT-BYT

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
2	Cấp giấy chứng nhận là lương y cho các đối tượng quy định tại Khoản 4, Điều 1, Thông tư số 29/2015/TT-BYT	20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Sở Y tế	2.500.000 đồng	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông tư số 29/2015/TT-BYT ngày 12/10/2015 của Bộ Y tế quy định cấp, cấp lại Giấy chứng nhận là lương y.</li> <li>- Thông tư số 20/2023/TT-BYT ngày 14/11/2023 của Bộ Y tế bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành.</li> <li>- Thông tư số 59/2023/TT-BTC ngày 30/8/2023 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong lĩnh vực y tế.</li> <li>- Quyết định số 19/QĐ-BYT ngày 03/01/2024 của Bộ Y tế công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực Y, Dược cổ truyền được quy định tại Thông tư số 20/2023/TT-BYT ngày 14 tháng 11 năm 2023 của Bộ Y tế về bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành.</li> </ul>	Thời hạn giải quyết thực hiện theo quy định tại Điều 10 Thông tư số 29/2015/TT-BYT
3	Cấp giấy chứng nhận là lương y cho các đối tượng quy định tại Khoản 5,	20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Sở Y tế	2.500.000 đồng	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông tư số 29/2015/TT-BYT ngày 12/10/2015 của Bộ Y tế quy định cấp, cấp lại Giấy chứng nhận là lương y.</li> <li>- Thông tư số 20/2023/TT-BYT ngày 14/11/2023 của Bộ Y tế bãi bỏ một số văn bản</li> </ul>	Thời hạn giải quyết thực hiện theo quy định tại Điều 10 Thông tư số

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	Điều 1, Thông tư số 29/2015/TT-BYT				<p>quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành.</p> <p>- Thông tư số 59/2023/TT-BTC ngày 30/8/2023 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong lĩnh vực y tế.</p> <p>- Quyết định số 19/QĐ-BYT ngày 03/01/2024 của Bộ Y tế công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực Y, Dược cổ truyền được quy định tại Thông tư số 20/2023/TT-BYT ngày 14 tháng 11 năm 2023 của Bộ Y tế về bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành.</p>	29/2015/TT-BYT
4	Cấp giấy chứng nhận là lương y cho các đối tượng quy định tại Khoản 6, Điều 1, Thông tư số 29/2015/TT-BYT	20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Sở Y tế	2.500.000 đồng	<p>- Thông tư số 29/2015/TT-BYT ngày 12/10/2015 của Bộ Y tế quy định cấp, cấp lại Giấy chứng nhận là lương y.</p> <p>- Thông tư số 20/2023/TT-BYT ngày 14/11/2023 của Bộ Y tế bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành.</p> <p>- Thông tư số 59/2023/TT-BTC ngày 30/8/2023 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong lĩnh vực y tế.</p>	Thời hạn giải quyết thực hiện theo quy định tại Điều 10 Thông tư số 29/2015/TT-BYT

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					- Quyết định số 19/QĐ-BYT ngày 03/01/2024 của Bộ Y tế công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực Y, Dược cổ truyền được quy định tại Thông tư số 20/2023/TT-BYT ngày 14 tháng 11 năm 2023 của Bộ Y tế về bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành.	
5	Cấp lại giấy chứng nhận là lương y thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Sở Y tế	Không	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông tư số 29/2015/TT-BYT ngày 12/10/2015 của Bộ Y tế quy định cấp, cấp lại Giấy chứng nhận là lương y.</li> <li>- Thông tư số 20/2023/TT-BYT ngày 14/11/2023 của Bộ Y tế bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành.</li> <li>- Thông tư số 59/2023/TT-BTC ngày 30/8/2023 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong lĩnh vực y tế.</li> <li>- Quyết định số 19/QĐ-BYT ngày 03/01/2024 của Bộ Y tế công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực Y, Dược cổ truyền được quy định tại Thông tư số 20/2023/TT-BYT ngày 14 tháng 11 năm 2023 của Bộ Y tế về bãi</li> </ul>	Thời hạn giải quyết thực hiện theo quy định tại Điều 15 Thông tư số 29/2015/TT-BYT

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành.	

ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 270/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 01 năm 2024

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực  
Hoạt động khoa học và công nghệ thuộc phạm vi chức năng quản lý  
của Sở Khoa học và Công nghệ

### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 4903/TTr - SKHCN ngày 27 tháng 12 năm 2023.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này danh mục 05 thủ tục hành chính lĩnh vực Hoạt động khoa học và công nghệ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Khoa học và Công nghệ, gồm: 04 thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung và 01 thủ tục hành chính bãi bỏ.

Danh mục thủ tục hành chính đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban

nhân dân Thành phố tại địa chỉ <https://hochiminhcity.gov.vn/> (Bộ thủ tục hành chính chuẩn hóa).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Bãi bỏ nội dung công bố cho các thủ tục:

- Thủ tục hành chính có thứ tự A.I.1, A.I.4, A.I.7 ban hành kèm Quyết định số 5692/QĐ-UBND ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về việc công bố thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Khoa học và Công nghệ được chuẩn hóa tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Thủ tục hành chính có thứ tự B.1 tại danh mục thủ tục hành chính ban hành kèm Quyết định số 3554/QĐ-UBND ngày 18 tháng 10 năm 2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về việc công bố danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực Hoạt động khoa học và công nghệ, Tiêu chuẩn đo lường chất lượng thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Khoa học và Công nghệ.

Thủ tục hành chính có thứ tự 1 tại danh mục thủ tục hành chính ban hành kèm Quyết định số 1289/QĐ-UBND ngày 06 tháng 4 năm 2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về việc công bố danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực Hoạt động khoa học và công nghệ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Khoa học và Công nghệ.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Võ Văn Hoan**



**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH  
LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

**THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 270/QĐ-UBND ngày 22 tháng 01 năm 2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)*

**A. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG THUỘC THẨM QUYỀN TIẾP NHẬN CỦA SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
<b>Lĩnh vực Hoạt động khoa học và công nghệ</b>						
1.	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lần đầu cho tổ chức khoa học và công nghệ	Thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Sở Khoa học và Công nghệ (244 Điện Biên Phủ, phường Võ Thị Sáu, Quận 3)	3.000.000 đồng	- Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013; - Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ; - Thông tư số 03/2014/TT-BKHCN ngày 31 tháng 3 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ	<b>1. Trình tự thực hiện TTHC</b> - Bước 1: Khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện quy định để được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ, tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tuyến trên trang <a href="https://ssodvcmc.hochiminhcity.gov.vn">https://ssodvcmc.hochiminhcity.gov.vn</a> hoặc trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ - Sở Khoa học và Công nghệ (số 244 đường Điện Biên Phủ, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh), từ thứ hai đến thứ sáu (buổi sáng từ 7 giờ 30 đến 11 giờ 30, buổi chiều từ

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					<p>Khoa học và Công nghệ hướng dẫn điều kiện thành lập và đăng ký hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ, văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ.</p> <p>- Thông tư số 15/2023/TT-BKHHCN ngày 26 tháng 7 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 32/2011/TT-BKHHCN và Thông tư số 03/2014/TT-BKHHCN.</p> <p>- Thông tư số 298/2016/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện hoạt động về khoa học, công nghệ.</p>	<p>13 giờ 00 đến 17 giờ 00) hoặc qua đường bưu điện.</p> <p>- Bước 2: Tổ tiếp nhận và trả hồ sơ - Sở Khoa học và Công nghệ tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra hồ sơ, cấp Biên nhận hồ sơ cho tổ chức, cá nhân (trường hợp nộp trực tiếp). Sở Khoa học và Công nghệ kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa hợp lệ: trong thời hạn chậm nhất 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân để sửa đổi, bổ sung.</p> <p>- Bước 3: Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Khoa học và Công nghệ cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động cho Tổ chức khoa học và công nghệ. Trường hợp từ chối, thì thông báo bằng văn bản trong đó nêu rõ lý do.</p> <p>- Bước 4: Căn cứ vào ngày hẹn trên biên nhận, Tổ chức đến nhận kết quả trực tiếp hoặc qua đường bưu điện.</p> <p><b>2. Kết quả TTHC:</b> Bổ sung nội dung</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					<p>- Quyết định số 2105/QĐ-BKHCN ngày 18 tháng 9 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực hoạt động khoa học và công nghệ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ.</p>	<p>“văn bản từ chối nêu rõ lý do”</p>
2.	Thay đổi, bổ sung nội dung Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ	Thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Sở Khoa học và Công nghệ (244 Điện Biên Phủ, phường Võ Thị Sáu, Quận 3)	<p>- Trường hợp đăng ký thay đổi tên của tổ chức KH&amp;CN: 1.000.000 đồng. - Trường hợp đăng ký thay đổi tên cơ quan quyết định thành</p>	<p>- Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013; - Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ; - Thông tư số 03/2014/TT-BKHCN ngày 31 tháng 3</p>	<p><b>1. Cách thức thực hiện TTHC:</b> Tổ chức khoa học và công nghệ nộp hồ sơ đăng ký, thay đổi, bổ sung nội dung Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ nộp hồ sơ trực tuyến trên trang <a href="https://ssodvcmc.hochiminhcity.gov.vn">https://ssodvcmc.hochiminhcity.gov.vn</a> hoặc trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ - Sở Khoa học và Công nghệ (số 244 đường Điện Biên Phủ, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh), từ thứ hai đến thứ sáu (buổi sáng từ 7 giờ 30 đến 11 giờ 30, buổi chiều từ</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
				<p>lập hoặc cơ quan quản lý trực tiếp của tổ chức KH&amp;CN: 1.000.000 đồng.</p> <p>- Trường hợp đăng ký thay đổi địa chỉ trụ sở chính của tổ chức KH&amp;CN: 1.500.000 đồng.</p> <p>- Trường hợp đăng ký thay đổi vốn của tổ chức KH&amp;CN: 1.500.000 đồng.</p> <p>- Trường hợp đăng ký thay</p>	<p>năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn điều kiện thành lập và đăng ký hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ, văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ.</p> <p>- Thông tư số 15/2023/TT-BKH&amp;CN ngày 26 tháng 7 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 32/2011/TT-BKH&amp;CN và Thông tư số 03/2014/TT-BKH&amp;CN.</p> <p>- Thông tư số 298/2016/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện hoạt động về khoa học,</p>	<p>13 giờ 00 đến 17 giờ 00) hoặc qua đường bưu điện.</p> <p><b>2. Kết quả TTHC:</b> Bổ sung nội dung “văn bản từ chối nêu rõ lý do”</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
				<p>đổi người đứng đầu của tổ chức KH&amp;CN: 1.000.000 đồng.</p> <p>- Trường hợp đăng ký thay đổi, bổ sung lĩnh vực hoạt động KH&amp;CN của tổ chức KH&amp;CN: 2.000.000 đồng.</p>	<p>công nghệ.</p> <p>- Quyết định số 2105/QĐ-BKH&amp;CN ngày 18 tháng 9 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực hoạt động khoa học và công nghệ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ</p>	
3	Cấp Giấy chứng nhận hoạt động lần đầu cho văn phòng đại diện, chi nhánh của	Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Sở Khoa học và Công nghệ (244 Điện Biên Phủ,	3.000.000 đồng	<p>- Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013;</p> <p>- Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn</p>	<b>1. Cách thức thực hiện TTHC:</b> Khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện quy định để được Cấp Giấy chứng nhận hoạt động lần đầu cho văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ, tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tuyến trên trang

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	tổ chức khoa học và công nghệ		phường Võ Thị Sáu, Quận 3)		<p>thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ;</p> <p>- Thông tư số 03/2014/TT-BKHCN ngày 31 tháng 3 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn điều kiện thành lập và đăng ký hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ, văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ.</p> <p>- Thông tư số 15/2023/TT-BKHCN ngày 26 tháng 7 năm 2023 của Bộ Khoa học và Công nghệ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 32/2011/TT-BKHCN và Thông tư số 03/2014/TT-BKHCN.</p> <p>- Thông tư số 298/2016/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài</p>	<p><a href="https://ssodvcmc.hochiminhcity.gov.vn">https://ssodvcmc.hochiminhcity.gov.vn</a> hoặc trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ - Sở Khoa học và Công nghệ (số 244 đường Điện Biên Phủ, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh), từ thứ hai đến thứ sáu (buổi sáng từ 7 giờ 30 đến 11 giờ 30, buổi chiều từ 13 giờ 00 đến 17 giờ 00) hoặc qua đường bưu điện.</p> <p><b>2. Thành phần hồ sơ:</b></p> <p>+ Đơn đăng ký hoạt động văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ (theo mẫu).</p> <p>+ Quyết định thành lập văn phòng đại diện, chi nhánh.</p> <p>+ Bản sao (có chứng thực hợp pháp) Giấy chứng nhận và Điều lệ tổ chức và hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ chủ quản.</p> <p>+ Hồ sơ về nhân lực của văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ:</p> <p>* Đối với văn phòng đại diện, chi nhánh</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					<p>chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện hoạt động về khoa học, công nghệ.</p> <p>- Quyết định số 2105/QĐ-BKHCN ngày 18 tháng 9 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực hoạt động khoa học và công nghệ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ</p>	<p>của tổ chức khoa học và công nghệ công lập và cơ sở giáo dục đại học: Bảng danh sách nhân lực được cơ quan quyết định thành lập hoặc quản lý trực tiếp xác nhận (theo mẫu).</p> <p>* Đối với văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ ngoài công lập và có vốn nước ngoài:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Bảng danh sách nhân lực (theo mẫu).</li> <li>• Đối với nhân lực chính thức: Đơn đề nghị được làm việc chính thức (theo mẫu); bản sao các văn bằng đào tạo (có chứng thực hợp pháp).</li> <li>• Đối với nhân lực kiêm nhiệm: Đơn đề nghị được làm việc kiêm nhiệm (theo mẫu); bản sao các văn bằng đào tạo (có chứng thực hợp pháp).</li> </ul> <p>+ Hồ sơ của người đứng đầu văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ công lập bao gồm:</p> <p>* Bản sao (có chứng thực hợp pháp) Quyết định bổ nhiệm của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền.</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						<p>* Lý lịch khoa học có xác nhận của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền (theo mẫu).</p> <p>* Bản sao (có chứng thực hợp pháp) các văn bằng đào tạo.</p> <p>+ Hồ sơ của người đứng đầu văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ ngoài công lập và có vốn nước ngoài bao gồm:</p> <p>* Đơn đề nghị được làm việc chính thức (theo mẫu).</p> <p>* Bản sao (có chứng thực hợp pháp) Quyết định bổ nhiệm của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền.</p> <p>* Lý lịch khoa học có xác nhận của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền (theo mẫu).</p> <p>* Bản sao (có chứng thực hợp pháp) các văn bằng đào tạo.</p> <p>+ Hồ sơ về trụ sở của văn phòng đại diện, chi nhánh: Phải có một trong các giấy tờ sau:</p> <p>* Bản sao (có chứng thực hợp pháp)</p>



TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						<p>giấy tờ chứng minh quyền sở hữu nhà, quyền sử dụng đất của tổ chức khoa học và công nghệ đối với địa điểm nơi đặt trụ sở văn phòng đại diện, chi nhánh;</p> <p>* Bản sao (có chứng thực hợp pháp) giấy tờ chứng minh quyền sở hữu nhà, quyền sử dụng đất hoặc giấy tờ chứng minh quyền được phép cho thuê, cho mượn của bên cho thuê, cho mượn kèm theo hợp đồng thuê, mượn địa điểm làm trụ sở văn phòng đại diện, chi nhánh; trường hợp bản sao hợp đồng không có chứng thực hợp pháp, tổ chức có thể xuất trình bản chính để người tiếp nhận hồ sơ đối chiếu và ký xác nhận vào bản sao.</p> <p><b>3. Kết quả TTHC:</b> Bổ sung nội dung “văn bản từ chối nêu rõ lý do”.</p>
4	Thay đổi, bổ sung nội dung Giấy chứng nhận hoạt động	Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ	Sở Khoa học và Công nghệ (244	- Trường hợp đăng ký thay đổi tên của tổ chức KH&CN:	- Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013; - Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm	<b>1. Trình tự thực hiện TTHC:</b> Khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện quy định để được cấp thay đổi, bổ sung nội dung Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	cho văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ	sơ hợp lệ.	Điện Biên Phủ, phường Võ Thị Sáu, Quận 3)	1.000.000 đồng. - Trường hợp đăng ký thay đổi tên cơ quan quyết định thành lập hoặc cơ quan quản lý trực tiếp của tổ chức KH&CN: 1.000.000 đồng. - Trường hợp đăng ký thay đổi địa chỉ trụ sở chính của tổ chức KH&CN: 1.500.000 đồng. - Trường hợp đăng ký thay	2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ; - Thông tư số 03/2014/TT-BKHCN ngày 31 tháng 3 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn điều kiện thành lập và đăng ký hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ, văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ. - Thông tư số 15/2023/TT-BKHCN ngày 26 tháng 7 năm 2023 của Bộ Khoa học và Công nghệ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 32/2011/TT-BKHCN và Thông tư số 03/2014/TT-BKHCN. - Thông tư số 298/2016/TT-	và công nghệ, tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tuyến trên trang <a href="https://ssodvcmc.hochiminhcity.gov.vn">https://ssodvcmc.hochiminhcity.gov.vn</a> hoặc trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ - Sở Khoa học và Công nghệ (số 244 đường Điện Biên Phủ, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh), từ thứ hai đến thứ sáu (buổi sáng từ 7 giờ 30 đến 11 giờ 30, buổi chiều từ 13 giờ 00 đến 17 giờ 00) hoặc qua đường bưu điện. <b>2. Thành phần hồ sơ:</b> + Đơn đề nghị thay đổi, bổ sung, cấp lại Giấy chứng nhận hoạt động (theo mẫu). + Bản gốc Giấy chứng nhận hoạt động văn phòng đại diện/chi nhánh đã được cấp. + Đối với trường hợp trường hợp đăng ký thay đổi tên văn phòng đại diện, chi nhánh: * Bản sao (có chứng thực hợp pháp) Quyết định của cấp.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
				<p>đổi vốn của tổ chức KH&amp;CN: 1.500.000 đồng.</p> <p>- Trường hợp đăng ký thay đổi người đứng đầu của tổ chức KH&amp;CN: 1.000.000 đồng.</p> <p>- Trường hợp đăng ký thay đổi, bổ sung lĩnh vực hoạt động KH&amp;CN của tổ chức KH&amp;CN: 2.000.000 đồng.</p>	<p>BTC ngày 15 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện hoạt động về khoa học, công nghệ.</p> <p>- Quyết định số 2105/QĐ-BKHCN ngày 18 tháng 9 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực hoạt động khoa học và công nghệ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ</p>	<p>+ Đối với trường hợp đăng ký thay đổi địa chỉ trụ sở văn phòng đại diện, chi nhánh: Hồ sơ về trụ sở của văn phòng đại diện, chi nhánh: Phải có một trong các giấy tờ sau:</p> <p>* Bản sao (có chứng thực hợp pháp) giấy tờ chứng minh quyền sở hữu nhà, quyền sử dụng đất của tổ chức khoa học và công nghệ đối với địa điểm nơi đặt trụ sở văn phòng đại diện, chi nhánh;</p> <p>* Bản sao (có chứng thực hợp pháp) giấy tờ chứng minh quyền sở hữu nhà, quyền sử dụng đất hoặc giấy tờ chứng minh quyền được phép cho thuê, cho mượn của bên cho thuê, cho mượn kèm theo hợp đồng thuê, mượn địa điểm làm trụ sở văn phòng đại diện, chi nhánh; trường hợp bản sao hợp đồng không có chứng thực hợp pháp, tổ chức có thể xuất trình bản chính để người tiếp nhận hồ sơ đối chiếu và ký xác nhận vào bản sao.</p> <p>+ Đối với trường hợp đăng ký thay đổi người đứng đầu văn phòng đại diện, chi</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						<p>nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ công lập:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>* Bản sao (có chứng thực hợp pháp) Quyết định bổ nhiệm của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền.</li> <li>* Lý lịch khoa học có xác nhận của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền (theo mẫu).</li> <li>* Bản sao (có chứng thực hợp pháp) các văn bằng đào tạo.</li> </ul> <p>+ Đối với trường hợp đăng ký thay đổi người đứng đầu văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ ngoài công lập và có vốn nước ngoài bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>* Đơn đề nghị được làm việc chính thức (theo mẫu).</li> <li>* Bản sao (có chứng thực hợp pháp) Quyết định bổ nhiệm của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền.</li> <li>* Lý lịch khoa học có xác nhận của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền (theo mẫu).</li> </ul>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						<p>* Bản sao (có chứng thực hợp pháp) các văn bản đào tạo.</p> <p>+ Đối với trường hợp đăng ký thay đổi thông tin của tổ chức khoa học công nghệ ghi trên giấy chứng nhận hoạt động văn phòng đại diện, chi nhánh: Bản sao (có chứng thực hợp pháp) Giấy chứng nhận và Điều lệ tổ chức và hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ chủ <b>quản</b>.</p> <p>+ Đối với trường hợp đăng ký thay đổi, bổ sung lĩnh vực hoạt động khoa học và công nghệ của văn phòng đại diện, chi nhánh:</p> <p>* Bản sao (có chứng thực hợp pháp) Giấy chứng nhận và Điều lệ tổ chức và hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ chủ <b>quản</b>.</p> <p>* Bảng danh sách nhân lực (theo mẫu).</p> <p>* Đối với nhân lực chính thức: Đơn đề nghị được làm việc chính thức (theo mẫu); bản sao các văn bản đào tạo (có chứng thực hợp pháp).</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						* Đối với nhân lực kiêm nhiệm: Đơn đề nghị được làm việc kiêm nhiệm (theo mẫu); bản sao các văn bằng đào tạo (có chứng thực hợp pháp). <b>3. Kết quả TTHC:</b> Bổ sung nội dung “văn bản từ chối nêu rõ lý do”.

## B. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ THUỘC THẨM QUYỀN TIẾP NHẬN CỦA SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

STT	Tên thủ tục hành chính bị bãi bỏ	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ thủ tục hành chính
	<b>Lĩnh vực Hoạt động khoa học và công nghệ</b>	
1.	Thủ tục đăng ký tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông tư số 20/2023/TT-BKHHCN ngày 12 tháng 10 năm 2023 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước;</li> <li>- Quyết định số 2521/QĐ-BKHHCN ngày 06 tháng 11 năm 2023 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành/bị bãi bỏ trong lĩnh vực hoạt động khoa học và công nghệ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ</li> </ul>

ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 280/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 01 năm 2024

## QUYẾT ĐỊNH

Về công bố danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực đo đạc bản đồ;  
lĩnh vực Biển và Hải đảo thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước  
của Sở Tài nguyên và Môi trường

### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 510/TTr-STNMT-VP ngày 16 tháng 01 năm 2024.

## QUYẾT ĐỊNH

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục 06 thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực Đo đạc Bản đồ; Biển và Hải đảo thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Tài nguyên và Môi trường.

Danh mục thủ tục hành chính đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân Thành phố tại địa chỉ <http://vpub.hochiminhcity.gov.vn/> (Bộ thủ tục hành

chính chuẩn hóa).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ký.

Bãi bỏ nội dung công bố các thủ tục hành chính sau:

- Thủ tục hành chính có thứ tự II.1 tại Danh mục thủ tục hành chính ban hành kèm theo Quyết định số 2497/QĐ-UBND ngày 13 tháng 6 năm 2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về việc công bố danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tài nguyên và Môi trường.

- Thủ tục hành chính có thứ tự A2.1, A2.2, A2.3 A2.4 và A2.5 được ban hành kèm theo Quyết định số 3813/QĐ-UBND ngày 08 tháng 11 năm 2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về việc công bố danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực Biển và Hải đảo thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Tài nguyên và Môi trường.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT.CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Võ Văn Hoan**



**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC ĐO ĐẠC VÀ BẢN ĐỒ; BIỂN VÀ HẢI ĐẢO  
THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 280/QĐ-UBND ngày 22 tháng 01 năm 2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)*

**A. Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung thuộc thẩm quyền tiếp nhận của Sở Tài nguyên và Môi trường**

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	<b>Lĩnh vực Đo đạc và bản đồ</b>					
01	Cấp, bổ sung, gia hạn, cấp lại, cấp đổi giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ	<p><b>* Cấp giấy phép/bổ sung danh mục hoạt động đo đạc và bản đồ:</b> không quá 12 ngày làm việc, cụ thể như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tại Sở Tài nguyên và Môi trường: Không quá 08 ngày làm việc</li> <li>+ Thời hạn tiếp nhận hồ sơ: 02 ngày làm việc.</li> <li>+ Thời hạn thẩm định hồ sơ: 06 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.</li> <li>- Tại Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam:</li> </ul>	Sở Tài nguyên và Môi trường (số 63 Lý Tự Trọng, phường Bến Nghé, quận 1) tiếp nhận hồ sơ đối với trường hợp tổ chức đề nghị cấp giấy phép/bổ sung danh mục /gia hạn giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ <b>trừ</b> các tổ chức đề nghị cấp giấy phép thuộc các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ	<p><b>*Cấp giấy phép/bổ sung danh mục hoạt động đo đạc và bản đồ:</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Dưới 03 hoạt động dịch vụ đo đạc và bản đồ: 4.090.000 đồng/hồ sơ.</li> <li>2. Từ 03 đến 05 hoạt động dịch vụ đo đạc và bản đồ: 5.540.000 đồng/hồ sơ.</li> <li>3. Từ 06 đến 08 hoạt động dịch vụ đo đạc và bản đồ: 6.030.000 đồng/hồ sơ.</li> </ol>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Đo đạc và bản đồ ngày 14 tháng 6 năm 2018.</li> <li>- Nghị định số 27/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 3 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đo đạc và bản đồ.</li> <li>- Nghị định số 136/2021/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 3 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật</li> </ul>	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
		<p>+ Thời hạn cấp giấy phép: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Biên bản thẩm định kèm hồ sơ đề nghị cấp giấy phép/bổ sung danh mục hoạt động đo đạc và bản đồ.</p> <p>+ Thời hạn trả kết quả: 01 ngày làm việc kể từ ngày thông báo.</p> <p><b>* Gia hạn giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ:</b> Không quá 10 ngày làm việc, cụ thể như sau:</p> <p>- Tại Sở Tài nguyên và Môi trường: Không quá 06 ngày làm việc</p> <p>+ Thời hạn tiếp nhận hồ sơ: 02 ngày làm việc.</p> <p>+ Thời hạn thẩm định hồ sơ: 04 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.</p> <p>- Tại Cục Đo đạc, Bản</p>	<p>quan thuộc Chính phủ quyết định thành lập; Tổng công ty do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập; tổ chức thuộc tổ chức trực thuộc bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ có pháp nhân và hạch toán độc lập; tổ chức có pháp nhân và hạch toán độc lập trực thuộc Tổng công ty do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập; tổ chức thuộc cơ quan trung ương của tổ chức xã hội - nghề</p>	<p>4. Từ 09 đến 11 hoạt động dịch vụ đo đạc và bản đồ: 6.510.000 đồng/hồ sơ.</p> <p>5. Từ 12 đến 14 hoạt động dịch vụ đo đạc và bản đồ: 7.000.000 đồng/hồ sơ.</p> <p><b>*Gia hạn giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ:</b> Không</p>	<p>Đo đạc và bản đồ.</p> <p>- Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường.</p> <p>- Thông tư số 34/2017/TT-BTC ngày 21 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ.</p> <p>- Thông tư số 33/2019/TT-BTC ngày 10 tháng 6 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 34/2017/TT-BTC</p>	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
		<p>đồ và Thông tin địa lý Việt Nam:</p> <p>+ Thời hạn cấp giấy phép: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được biên bản thẩm định kèm hồ sơ đề nghị gia hạn giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ.</p> <p>+ Thời hạn trả kết quả: 01 ngày làm việc kể từ ngày thông báo.</p>	<p>ngành; nhà thầu nước ngoài.</p>		<p>ngày 21 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ và Thông tư số 196/2016/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ.</p> <p>- Quyết định số 1237/QĐ-BTNMT ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực đo đạc và bản đồ thuộc phạm vi, chức năng quản lý nhà</p>	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường	

**A2. Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung thuộc thẩm quyền tiếp nhận của Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ**

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
<b>Lĩnh vực biển và hải đảo</b>						
01	Công nhận khu vực biển	-Thời hạn kiểm tra hồ sơ: Ba (03) ngày làm việc. -Thời hạn tiến hành thẩm định: Không quá mười (10) ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ. Phòng Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm thẩm định xong hồ sơ; trường hợp cần thiết trình Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thành lập Hội đồng thẩm định hồ sơ, gửi văn bản lấy ý kiến của các cơ quan có liên quan; tổ chức kiểm tra thực địa (thời gian	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả huyện Cần Giờ	Không	- Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển. - Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08 tháng 3 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản. - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày	1. Trình tự thực hiện như sau: Cá nhân Việt Nam đề nghị công nhận khu vực biển để nuôi trồng thủy sản nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả huyện Cần Giờ. 2. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ - Cơ quan trực tiếp thực hiện: Phòng Tài

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
		<p>kiểm tra thực địa không quá 10 ngày làm việc). Trong thời hạn không quá 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản lấy ý kiến, cơ quan được lấy ý kiến có trách nhiệm phải trả lời bằng văn bản. Thời gian lấy ý kiến và tổ chức kiểm tra thực địa không tính vào thời gian thẩm định hồ sơ.</p> <p>- Trình và giải quyết hồ sơ:</p> <p>+ Thời hạn trình hồ sơ: Không quá ba (03) ngày làm việc.</p> <p>+ Thời hạn xem xét, giải quyết hồ sơ: Không quá năm (05) ngày làm việc.</p> <p>+ Thời hạn thông báo và trả kết quả hồ sơ: Không quá hai (02) ngày làm việc.</p>			<p>21 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công.</p> <p>- Quyết định số 4193/QĐ-BTNMT ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực biển và hải đảo thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường.</p>	nguyên và Môi trường huyện Cần Giờ và các đơn vị liên quan
02	Giao khu	- Thời hạn kiểm tra hồ sơ: Ba (03) ngày làm	Bộ phận Tiếp nhận	Không	- Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày	1. Trình tự thực hiện

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	vực biển	<p>việc.</p> <p>-Thời hạn tiến hành thẩm định: Không quá ba mươi (30) ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ. Phòng Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm thẩm định xong hồ sơ; trường hợp cần thiết trình Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thành lập Hội đồng thẩm định hồ sơ, gửi văn bản lấy ý kiến của các cơ quan có liên quan; tổ chức kiểm tra thực địa (thời gian kiểm tra thực địa không quá 10 ngày làm việc). Trong thời hạn không quá 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản lấy ý kiến, cơ quan được lấy ý kiến có trách nhiệm phải trả lời bằng văn bản. Thời gian lấy ý kiến và tổ chức kiểm tra thực địa không tính vào thời gian</p>	và Trả kết quả huyện Cần Giờ		<p>10 tháng 02 năm 2021 quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển.</p> <p>- Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08 tháng 3 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản.</p> <p>- Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công.</p> <p>- Quyết định số</p>	<p>như sau:</p> <p>Cá nhân Việt Nam đề nghị công nhận khu vực biển để nuôi trồng thủy sản nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả huyện Cần Giờ.</p> <p>2. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:</p> <p>- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ</p> <p>- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Cần Giờ và các đơn vị liên quan.</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
		thẩm định hồ sơ. - Trình và giải quyết hồ sơ: + Thời hạn trình hồ sơ: Không quá ba (03) ngày làm việc. + Thời hạn xem xét, giải quyết hồ sơ: Không quá năm (05) ngày làm việc. + Thời hạn thông báo và trả kết quả hồ sơ: Không quá hai (02) ngày làm việc.			4193/QĐ-BTNMT ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực biển và hải đảo thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường	
03	Gia hạn thời hạn giao khu vực biển	- Thời hạn kiểm tra hồ sơ: Ba (03) ngày làm việc. - Thời hạn tiến hành thẩm định: Không quá ba mươi (30) ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ. Phòng Tài nguyên và Môi trường thẩm định xong hồ sơ; trường hợp cần thiết trình Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả huyện Cần Giờ	Không	- Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển. - Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08 tháng 3 năm 2019 của Chính phủ quy định	1. Trình tự thực hiện như sau: Cá nhân Việt Nam đề nghị công nhận khu vực biển để nuôi trồng thủy sản nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả huyện Cần Giờ. 2. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: - Cơ quan có thẩm

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
		<p>thành lập Hội đồng thẩm định hồ sơ; gửi văn bản lấy ý kiến của các cơ quan có liên quan; tổ chức kiểm tra thực địa (thời gian kiểm tra thực địa không quá 10 ngày làm việc). Trong thời hạn không quá 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản lấy ý kiến, cơ quan được lấy ý kiến phải có trách nhiệm trả lời bằng văn bản. Thời gian lấy ý kiến và tổ chức kiểm tra thực địa không tính vào thời gian thẩm định hồ sơ.</p> <p>- Trình và giải quyết hồ sơ:</p> <p>+ Thời hạn trình hồ sơ: Không quá ba (03) ngày làm việc.</p> <p>+ Thời hạn xem xét, giải quyết hồ sơ: Không quá năm (05) ngày làm việc.</p>			<p>chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản.</p> <p>- Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công.</p> <p>- Quyết định số 4193/QĐ-BTNMT ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực biển và hải đảo thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường</p>	<p>quyền quyết định: Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ</p> <p>- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Cần Giờ và các đơn vị liên quan.</p>



TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
		+ Thời hạn thông báo và trả kết quả hồ sơ: Không quá hai (02) ngày làm việc.				
04	Trả lại khu vực biển	- Thời hạn kiểm tra hồ sơ: Không quá ba (03) ngày làm việc. - Thời hạn tiến hành thẩm định: Không quá hai mươi (20) ngày làm việc đối với đề nghị trả lại một phần khu vực biển hoặc Không quá mười lăm (15) ngày làm việc đối với đề nghị trả lại toàn bộ khu vực biển, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ. Phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện có trách nhiệm thẩm định xong hồ sơ; trường hợp cần thiết trình Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thành lập Hội đồng thẩm định hồ sơ, gửi văn bản lấy ý kiến của các cơ quan có	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả huyện Cần Giờ	Không	- Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển. - Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08 tháng 3 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản. - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình	1. Trình tự thực hiện như sau: Cá nhân Việt Nam đề nghị công nhận khu vực biển để nuôi trồng thủy sản nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả huyện Cần Giờ. 2. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ - Cơ quan trực tiếp thực hiện: Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Cần Giờ và các đơn vị liên quan.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
		<p>liên quan; tổ chức kiểm tra thực địa (thời gian kiểm tra thực địa không quá 10 ngày làm việc). Trong thời hạn không quá 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản lấy ý kiến, cơ quan được lấy ý kiến phải có trách nhiệm trả lời bằng văn bản. Thời gian lấy ý kiến và tổ chức kiểm tra thực địa không tính vào thời gian thẩm định hồ sơ.</p> <p>- Trình và giải quyết hồ sơ:</p> <p>+ Thời hạn trình hồ sơ: Không quá ba (03) ngày làm việc.</p> <p>+ Thời hạn xem xét, giải quyết hồ sơ: Không quá năm (05) ngày làm việc.</p> <p>+ Thời hạn thông báo và trả kết quả hồ sơ: Không quá hai (02) ngày làm việc.</p>			<p>số hộ khẩu, số tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công.</p> <p>- Quyết định số 4193/QĐ-BTNMT ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực biển và hải đảo thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường</p>	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
05	Sửa đổi, bổ sung quyết định giao khu vực biển	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thời hạn kiểm tra hồ sơ: Không quá ba (03) ngày làm việc.</li> <li>- Thời hạn thẩm định: Không quá ba mươi (30) ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ. Trường hợp cần thiết lấy ý kiến của các cơ quan có liên quan, tổ chức kiểm tra thực địa và quyết định thành lập Hội đồng thẩm định hồ sơ. Thời gian kiểm tra thực địa không quá 10 ngày làm việc. Trong thời hạn không quá 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản lấy ý kiến, cơ quan được lấy ý kiến phải có trách nhiệm trả lời bằng văn bản. Thời gian lấy ý kiến và tổ chức kiểm tra thực địa không tính vào thời gian thẩm định hồ sơ.</li> <li>- Trình và giải quyết hồ</li> </ul>	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả huyện Cần Giờ	Không	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển.</li> <li>- Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08 tháng 3 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản.</li> <li>- Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công.</li> </ul>	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Trình tự thực hiện như sau: Cá nhân Việt Nam đề nghị công nhận khu vực biển để nuôi trồng thủy sản nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả huyện Cần Giờ.</li> <li>2. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ</li> <li>- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Cần Giờ và các đơn vị liên quan.</li> </ul> </li> </ol>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
		<p>hơ:</p> <ul style="list-style-type: none"><li>+ Thời hạn trình hồ sơ: Không quá ba (03) ngày làm việc.</li><li>+ Thời hạn xem xét, giải quyết hồ sơ: Không quá năm (05) ngày làm việc.</li><li>+ Thời hạn thông báo và trả kết quả hồ sơ: Không quá hai (02) ngày làm việc.</li></ul>			<p>- Quyết định số 4193/QĐ-BTNMT ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực biển và hải đảo thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường.</p>	

ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 309/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 01 năm 2024

## QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Danh mục thủ tục hành chính, nhóm thủ tục hành chính  
đáp ứng yêu cầu cung cấp dịch vụ công trực tuyến  
trên môi trường điện tử (đợt 6)**

### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 12 năm 2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử;

Căn cứ Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2022 của Chính phủ quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng;

Căn cứ Quyết định số 31/2021/QĐ-TTg ngày 11 tháng 10 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế quản lý, vận hành, khai thác Cổng Dịch vụ công quốc gia;

*Căn cứ Thông tư số 01/2023/TT-VPCP ngày 05 tháng 4 năm 2023 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ quy định một số nội dung và biện pháp thi hành trong số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính và thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử;*

*Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố tại Báo cáo số 620/BC-VP ngày 17 tháng 01 năm 2024.*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

### **Điều 1. Phê duyệt Danh mục**

Phê duyệt Danh mục 07 thủ tục hành chính đáp ứng yêu cầu cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình (đính kèm Phụ lục I) và Danh mục 13 thủ tục hành chính đáp ứng yêu cầu cung cấp dịch vụ công trực tuyến một phần (đính kèm Phụ lục II) trên môi trường điện tử áp dụng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh (đợt 6).

Danh mục thủ tục hành chính đáp ứng yêu cầu thực hiện dịch vụ công trực tuyến toàn trình, dịch vụ công trực tuyến một phần được đăng tải trên Trang thông tin điện tử của Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố tại địa chỉ <http://vpub.hochiminhcity.gov.vn/portal/Home/danh-muc-tthc/default.aspx>.

### **Điều 2. Đưa ra khỏi Danh mục**

Đưa ra khỏi danh mục 01 thủ tục hành chính lĩnh vực Hoạt động xây dựng thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp huyện số thứ tự 1 Phụ lục 1 ban hành kèm theo Quyết định số 3285/QĐ-UBND ngày 07 tháng 8 năm 2023.

### **Điều 3. Tổ chức thực hiện**

1. Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Sở Thông tin và Truyền thông theo chức năng, nhiệm vụ phối hợp tham mưu thực hiện quy trình tổ chức xây dựng và thực hiện giải pháp bảo đảm phương thức thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử quy định tại Điều 23 Nghị định số 45/2020/NĐ-CP của Chính phủ. Cụ thể:

a) Rà soát, xây dựng Phương án đơn giản hóa quy trình, thời gian thực hiện, thành phần hồ sơ và các bộ phận cấu thành khác của thủ tục hành chính trên cơ sở đánh giá các nguồn dữ liệu đã có và mức độ sẵn sàng tích hợp, cung cấp thông tin trong quá trình giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường điện tử.

b) Xác định giải pháp nghiệp vụ giải quyết thủ tục hành chính; giải pháp định danh, mức độ bảo đảm an toàn của các phương thức xác thực điện tử; giải pháp tích hợp, chia sẻ, khai thác thông tin với các nguồn dữ liệu, dịch vụ công có liên quan và các giải pháp kỹ thuật khác.

c) Xây dựng quy trình điện tử, thực hiện cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình, một phần trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Thành phố, tích hợp Cổng dịch vụ công quốc gia đáp ứng các tiêu chuẩn kỹ thuật về giao diện, truy cập, tương tác, kết nối, chia sẻ dữ liệu, lưu trữ, bảo mật theo quy định.

2. Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân quận, huyện, thành phố Thủ Đức:

Phối hợp chặt chẽ trong thực hiện đơn giản hóa quy trình thủ tục; xây dựng quy trình điện tử và cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình và một phần trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Thành phố.

3. Giao Sở Thông tin và Truyền thông tổ chức cấu hình, triển khai đầy đủ các thủ tục hành chính đáp ứng yêu cầu cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình và một phần trên môi trường điện tử đã được phê duyệt trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Thành phố tại địa chỉ <https://dichvucong.hochiminhcity.gov.vn/>.

#### **Điều 4. Hiệu lực thi hành**

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

#### **Điều 5. Trách nhiệm thi hành**

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông, Giám đốc Sở Tài chính, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện, thành phố Thủ Đức và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Võ Văn Hoan**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**PHỤ LỤC I**

**Danh mục thủ tục hành chính, nhóm thủ tục hành chính đáp ứng yêu cầu cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình (đợt 6)**  
(Ban hành kèm theo Quyết định số 309/QĐ-UBND ngày 25 tháng 01 năm 2024 của Ủy ban nhân dân Thành phố)

STT	Tên thủ tục hành chính, nhóm thủ tục hành chính	Cơ quan thực hiện
<b>Thủ tục hành chính cấp tỉnh</b>		
<i>Lĩnh vực Môi trường</i>		
1.	Cấp đổi Giấy phép môi trường	Sở Tài nguyên và Môi trường
		Ban Quản lý Khu công nghệ cao
		Ban Quản lý các Khu chế xuất và Khu công nghiệp
2.	Cấp điều chỉnh Giấy phép môi trường	Sở Tài nguyên và Môi trường
		Ban Quản lý Khu công nghệ cao
		Ban Quản lý các Khu chế xuất và Khu công nghiệp
3.	Cấp Giấy phép trao đổi, mua, bán, tặng cho, thuê, lưu giữ, vận chuyển mẫu vật của loài thuộc Danh mục Loài được ưu tiên bảo vệ	Sở Tài nguyên và Môi trường
4.	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học	Sở Tài nguyên và Môi trường
<b>Thủ tục hành chính cấp huyện</b>		
<i>Lĩnh vực Môi trường</i>		
1.	Cấp đổi Giấy phép môi trường	UBND cấp huyện
2.	Cấp điều chỉnh Giấy phép môi trường	UBND cấp huyện



<i>Thủ tục hành chính cấp xã</i>		
<i>Lĩnh vực Môi trường</i>		
1.	Tham vấn trong đánh giá tác động môi trường	UBND cấp xã

**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ**

ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

## PHỤ LỤC II

### Danh mục thủ tục hành chính, nhóm thủ tục hành chính đáp ứng yêu cầu cung cấp dịch vụ công trực tuyến một phần (đợt 6)

(Ban hành kèm theo Quyết định số 309/QĐ-UBND  
ngày 25 tháng 01 năm 2024 của Ủy ban nhân dân Thành phố)

STT	Tên thủ tục hành chính, nhóm thủ tục hành chính	Cơ quan thực hiện
<b>Thủ tục hành chính cấp tỉnh</b>		
<i>Lĩnh vực Hoạt động xây dựng</i>		
1.	Cấp giấy phép xây dựng mới đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án).	Sở Xây dựng
		Ban Quản lý Khu công nghệ cao
2.	Cấp giấy phép xây dựng sửa chữa, cải tạo đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án).	Sở Xây dựng
		Ban Quản lý Khu công nghệ cao
3.	Cấp điều chỉnh giấy phép xây dựng đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án).	Sở Xây dựng
		Ban Quản lý Khu công nghệ cao
		Ban Quản lý các Khu chế xuất và Khu công nghiệp
4.	Cấp lại giấy phép xây dựng đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án).	Sở Xây dựng

5.	Gia hạn giấy phép xây dựng đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II ( <i>công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án</i> ).	Sở Xây dựng
		Ban Quản lý Khu công nghệ cao
		Ban Quản lý các Khu chế xuất và Khu công nghiệp
<i>Lĩnh vực Quản lý chất lượng công trình xây dựng</i>		
6.	Kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành công trình của cơ quan chuyên môn về xây dựng tại địa phương.	Sở Xây dựng
		Ban Quản lý Khu công nghệ cao
<i>Lĩnh vực Môi trường</i>		
7.	Cấp Giấy phép môi trường	Sở Tài nguyên và Môi trường
		Ban Quản lý Khu công nghệ cao
8.	Cấp lại Giấy phép môi trường	Sở Tài nguyên và Môi trường
		Ban Quản lý các Khu chế xuất và Khu công nghiệp
		Ban Quản lý Khu công nghệ cao
9.	Thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường	Sở Tài nguyên và Môi trường
		Ban Quản lý các Khu chế xuất và Khu công nghiệp
		Ban Quản lý Khu công nghệ cao
10.	Thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản (báo cáo riêng theo quy định tại khoản 2 Điều 36 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP)	Sở Tài nguyên và Môi trường
<b><i>Thủ tục hành chính cấp huyện</i></b>		
<i>Lĩnh vực Hoạt động xây dựng</i>		
1.	Cấp lại giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV ( <i>công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành</i>	UBND cấp huyện

	<i>tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và Nhà ở riêng lẻ<sup>1</sup></i>	
<i>Lĩnh vực Môi trường</i>		
2.	Cấp Giấy phép môi trường	UBND cấp huyện
3.	Cấp lại Giấy phép môi trường	UBND cấp huyện

**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ**

---

<sup>1</sup> Đưa ra khỏi danh mục STT 1 Phụ lục 1 (TTHC cấp huyện) ban hành kèm theo Quyết định số 3285/QĐ-UBND ngày 07/8/2023

ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 337/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 01 năm 2024

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực Du lịch  
thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Du lịch

### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định có liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Du lịch tại Tờ trình số 187/TTr-SDL ngày 23 tháng 01 năm 2024.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này danh mục 08 thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực Du lịch thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Du lịch.

Danh mục thủ tục hành chính được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân Thành phố tại địa chỉ <https://hochiminhcity.gov.vn/> (Bộ thủ tục hành chính chuẩn hóa).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Bãi bỏ Quyết định số 5006/QĐ-UBND ngày 04 tháng 11 năm 2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về việc công bố danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực Du lịch thuộc phạm vi chức năng giải quyết của Sở Du lịch.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Du lịch và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**CHỦ TỊCH**

**Phan Văn Mãi**

## DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC DU LỊCH

### THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ DU LỊCH THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

(Ban hành kèm theo Quyết định số 337/QĐ-UBND ngày 26 tháng 01 năm 2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)

#### Thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung thuộc thẩm quyền tiếp nhận của Sở Du lịch

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Văn bản quy định thủ tục hành chính	Ghi chú
<b>Lĩnh vực Du lịch</b>						
1	Thủ tục cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa	6 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Sở Du lịch (Số 140 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3). Công Dịch vụ công: <a href="https://dichvucong.hochiminhcity.gov.vn">https://dichvucong.hochiminhcity.gov.vn</a>	3.000.000 đồng/giấy phép	<ul style="list-style-type: none"><li>- Luật Du lịch ngày 19 tháng 6 năm 2017.</li><li>- Nghị định số 168/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch.</li><li>- Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch.</li><li>- Thông tư số 13/2019/TT-BVHTTDL ngày 25 tháng 11 năm 2019 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa,</li></ul>	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Văn bản quy định thủ tục hành chính	Ghi chú
					<p>Thẻ thao và Du lịch quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông tư số 33/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý phí thẩm định cấp Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế, Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa; phí thẩm định cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch; lệ phí cấp Giấy phép thành lập văn phòng đại diện Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài.</li> <li>- Quyết định số 134/QĐ-BVHTTDL ngày 16 tháng 01 năm 2024 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực du lịch thuộc phạm vi chức năng của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.</li> </ul>	
2	Thủ tục cấp lại giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành	01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp	Sở Du lịch (Số 140 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3). Công Dịch vụ	1.500.000 đồng/giấy phép	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Du lịch ngày 19 tháng 6 năm 2017.</li> <li>- Nghị định số 168/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số</li> </ul>	



TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Văn bản quy định thủ tục hành chính	Ghi chú
	nội địa	lệ	<p>công:  <a href="https://dichvucong.hochiminhcity.gov.vn">https://dichvucong.hochiminhcity.gov.vn</a></p>		<p>điều của Luật Du lịch.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch.</li> <li>- Thông tư số 13/2019/TT-BVHTTDL ngày 25 tháng 11 năm 2019 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch.</li> <li>- Thông tư số 33/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý phí thẩm định cấp Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế, Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa; phí thẩm định cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch; lệ phí cấp Giấy phép thành lập văn phòng đại diện Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch</li> </ul>	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Văn bản quy định thủ tục hành chính	Ghi chú
					vụ lữ hành nước ngoài. - Quyết định số 134/QĐ-BVHTTDL ngày 16 tháng 01 năm 2024 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực du lịch thuộc phạm vi chức năng của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.	
3	Thủ tục cấp đổi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa	01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Sở Du lịch (Số 140 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3). Công Dịch vụ công: <a href="https://dichvucong.hochiminhcity.gov.vn">https://dichvucong.hochiminhcity.gov.vn</a>	2.000.000 đồng/giấy phép	- Luật Du lịch ngày 19 tháng 6 năm 2017. - Nghị định số 168/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch. - Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch. - Thông tư số 13/2019/TT-BVHTTDL ngày 25 tháng 11 năm 2019 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa,	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Văn bản quy định thủ tục hành chính	Ghi chú
					<p>Thẻ thao và Du lịch quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông tư số 33/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý phí thẩm định cấp Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế, Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa; phí thẩm định cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch; lệ phí cấp Giấy phép thành lập văn phòng đại diện Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài.</li> <li>- Quyết định số 134/QĐ-BVHTTDL ngày 16 tháng 01 năm 2024 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực du lịch thuộc phạm vi chức năng của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.</li> </ul>	
4	Thủ tục cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch tại điểm	6 ngày làm việc kể từ ngày có kết quả kiểm tra	Sở Du lịch (Số 140 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3). Công Dịch vụ	200.000 đồng/thẻ	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Du lịch ngày 19 tháng 6 năm 2017.</li> <li>- Nghị định số 168/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số</li> </ul>	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Văn bản quy định thủ tục hành chính	Ghi chú
			<p>công:  <a href="https://dichvucong.hochiminhcity.gov.vn">https://dichvucong.hochiminhcity.gov.vn</a></p>		<p>điều của Luật Du lịch.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch.</li> <li>- Thông tư số 13/2019/TT-BVHTTDL ngày 25 tháng 11 năm 2019 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch.</li> <li>- Thông tư số 33/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý phí thẩm định cấp Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế, Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa; phí thẩm định cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch; lệ phí cấp Giấy phép thành lập văn phòng đại diện Việt Nam</li> </ul>	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Văn bản quy định thủ tục hành chính	Ghi chú
					<p>của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài.</p> <p>- Quyết định số 134/QĐ-BVHTTDL ngày 16 tháng 01 năm 2024 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực du lịch thuộc phạm vi chức năng của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.</p>	
5	Thủ tục cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch nội địa	8 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Sở Du lịch (Số 140 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3). Công Dịch vụ công: <a href="https://dichvucong.hochiminhcity.gov.vn">https://dichvucong.hochiminhcity.gov.vn</a>	650.000 đồng/thẻ	<p>- Luật Du lịch ngày 19 tháng 6 năm 2017.</p> <p>- Nghị định số 168/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch.</p> <p>- Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch.</p> <p>- Thông tư số 13/2019/TT-BVHTTDL ngày 25 tháng 11 năm 2019 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm</p>	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Văn bản quy định thủ tục hành chính	Ghi chú
					<p>2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông tư số 33/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý phí thẩm định cấp Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế, Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa; phí thẩm định cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch; lệ phí cấp Giấy phép thành lập văn phòng đại diện Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài.</li> <li>- Quyết định số 134/QĐ-BVHTTDL ngày 16 tháng 01 năm 2024 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực du lịch thuộc phạm vi chức năng của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.</li> </ul>	
6	Thủ tục cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch quốc tế	8 ngày làm việc kể từ ngày nhận được	Sở Du lịch (Số 140 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3).	650.000 đồng/thẻ	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Du lịch ngày 19 tháng 6 năm 2017.</li> <li>- Nghị định số 168/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 của</li> </ul>	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Văn bản quy định thủ tục hành chính	Ghi chú
		hồ sơ hợp lệ	<p>Công Dịch vụ công:</p> <p><a href="https://dichvucong.hochiminhcity.gov.vn">https://dichvucong.hochiminhcity.gov.vn</a></p>		<p>Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch.</li> <li>- Thông tư số 13/2019/TT-BVHTTDL ngày 25 tháng 11 năm 2019 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch.</li> <li>- Thông tư số 33/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý phí thẩm định cấp Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế, Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa; phí thẩm định cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch; lệ phí cấp Giấy phép thành lập văn phòng đại diện Việt Nam</li> </ul>	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Văn bản quy định thủ tục hành chính	Ghi chú
					<p>của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài.</p> <p>- Quyết định số 134/QĐ-BVHTTDL ngày 16 tháng 01 năm 2024 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực du lịch thuộc phạm vi chức năng của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.</p>	
7	Thủ tục cấp đổi thẻ hướng dẫn viên du lịch quốc tế, thẻ hướng dẫn viên du lịch nội địa	6 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Sở Du lịch (Số 140 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3). Công Dịch vụ công: <a href="https://dichvucong.hochiminhcity.gov.vn">https://dichvucong.hochiminhcity.gov.vn</a>	650.000 đồng/thẻ	<p>- Luật Du lịch ngày 19 tháng 6 năm 2017.</p> <p>- Nghị định số 168/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch.</p> <p>- Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch.</p> <p>- Thông tư số 13/2019/TT-BVHTTDL ngày 25 tháng 11 năm 2019 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm</p>	



TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Văn bản quy định thủ tục hành chính	Ghi chú
					<p>2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông tư số 33/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý phí thẩm định cấp Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế, Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa; phí thẩm định cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch; lệ phí cấp Giấy phép thành lập văn phòng đại diện Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài.</li> <li>- Quyết định số 134/QĐ-BVHTTDL ngày 16 tháng 01 năm 2024 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực du lịch thuộc phạm vi chức năng của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.</li> </ul>	
8	Thủ tục cấp lại thẻ hướng dẫn viên du lịch	6 ngày làm việc kể từ ngày nhận được	Sở Du lịch (Số 140 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3).	650.000 đồng/thẻ	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Du lịch ngày 19 tháng 6 năm 2017.</li> <li>- Nghị định số 168/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 của</li> </ul>	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Văn bản quy định thủ tục hành chính	Ghi chú
		hồ sơ hợp lệ	Công Dịch vụ công: <a href="https://dichvucong.hochiminhcity.gov.vn">https://dichvucong.hochiminhcity.gov.vn</a>		Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch. - Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch. - Thông tư số 13/2019/TT-BVHTTDL ngày 25 tháng 11 năm 2019 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch. - Thông tư số 33/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý phí thẩm định cấp Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế, Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa; phí thẩm định cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch; lệ phí cấp Giấy phép thành lập văn phòng đại diện Việt Nam	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Văn bản quy định thủ tục hành chính	Ghi chú
					<p>của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài.</p> <p>- Quyết định số 134/QĐ-BVHTTDL ngày 16 tháng 01 năm 2024 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực du lịch thuộc phạm vi chức năng của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.</p>	

---

**VĂN PHÒNG UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Địa chỉ: 86 Lê Thánh Tôn, quận 1

Điện thoại: 38.233.686

Fax: (84.8) 38.233.694

Email: [tcb.ubnd@tphcm.gov.vn](mailto:tcb.ubnd@tphcm.gov.vn)

Website: [www.congbao.hochiminhcity.gov.vn](http://www.congbao.hochiminhcity.gov.vn)

In tại Xí nghiệp Bản đồ Đà Lạt - Bộ Quốc phòng